

TÍNH ĐỘC ĐÁO TRONG BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT TIỂU THUYẾT “TIẾNG CHIM HÓT TRONG BỤI MẬN GAI” TRÊN PHƯƠNG DIỆN BIỆN PHÁP TU TỪ

• Nguyễn Quang Hùng^(*), Phan Thị Kim Dung^(*)

Tóm tắt

Trong thực tế tiếp cận một tác phẩm văn học nước ngoài, người đọc có thể thông qua nguyên tác hoặc bản dịch nghĩa. Bản dịch không chỉ là chìa khóa đầu tiên mở cánh cửa đưa người đọc đến với tác phẩm, mà còn là quá trình sáng tạo lại nguyên tác tác phẩm của dịch giả trên nguyên tắc: giữ tối đa tinh thần, giá trị của tác phẩm, đồng thời chuyển dịch sáng tạo lại tác phẩm theo cách “đọc” riêng. Trong bài viết này, chúng tôi đi tìm những điểm độc đáo trong bản dịch tác phẩm “The Thorn Birds” của dịch giả Phạm Mạnh Hùng ở phương diện nghệ thuật.

Từ khóa: biện pháp tu từ, tính độc đáo, Tiếng chim hót trong bụi mận gai, The Thorn Birds.

1. Đặt vấn đề

Trong thực tế, tiếp cận một tác phẩm văn học nước ngoài, người đọc có thể thông qua nguyên tác hoặc bản dịch nghĩa. Đọc nguyên tác, đọc giả phải tự mình nắm bắt toàn bộ tinh thần, tư tưởng của tác giả, phải “tự cảm” để hiểu chiều sâu giá trị tác phẩm. Đọc bản dịch, người đọc chủ yếu tiếp cận tác phẩm qua “kênh” tinh thần, tư tưởng của dịch giả đối với tác phẩm. Bản dịch tác phẩm văn học nước ngoài được xem là một lần sáng tạo lại văn bản của dịch giả, tuy thế, một nguyên tắc tối quan trọng trong dịch thuật đó là: người dịch phải tối đa giữ nguyên được tinh thần, tư tưởng, nội dung... của tác phẩm; đồng thời, phải chuyển nghĩa để hiểu nhất qua ngôn ngữ khác theo tinh thần, quan điểm thẩm mỹ, quan điểm tiếp cận văn học... của chính nền văn học đó.

Trong dòng chảy văn học nước ngoài ở Việt Nam, “The Thorn Birds” của Colleen McCullough được xem là tác phẩm vào hàng “kinh điển” của văn học nhân loại ở chiều sâu giá trị tư tưởng cũng như sáng tạo nghệ thuật. Bên cạnh bản dịch tiếng Việt “Những con chim ẩn mình chờ chết” của Trung Dũng, chúng tôi đặc biệt ấn tượng với “Tiếng chim hót trong bụi mận gai” của Phạm Mạnh Hùng bởi các lý do sau: dịch giả đã bám khá sát văn bản gốc để chuyển dịch nội dung sang tiếng Việt; dịch giả đã sáng tạo khi sử dụng ba phương pháp dịch chủ yếu: semantic translation (dịch ngữ nghĩa), communicative translation (dịch giao tiếp) và word-for-word translation (dịch từ đối từ) để làm rõ các biện pháp tu từ nổi bật trong tác phẩm như ẩn dụ (metaphor), hoán dụ (metonymy), so sánh (simile)... Trong bài

viết này, chúng tôi đi tìm hiểu những điểm độc đáo của bản dịch “Tiếng chim hót trong bụi mận gai” ở phương diện biện pháp tu từ.

2. Nội dung

Điều nhận thấy trong sáng tạo văn học, ngôn từ chính là chất liệu phương tiện thiết yếu để nhà văn hình thành nên tác phẩm. Ngôn từ trong đời sống qua dụng công sáng tạo nghệ thuật của nhà văn đã mở ra khoảng trời riêng độc đáo, giàu hình tượng, chứa đựng, biểu đạt cảm xúc của thiên nhiên, vạn vật, con người. Trong đó, biện pháp tu từ chính là dấu ấn sáng tạo độc đáo ngôn từ nghệ thuật, nó không chỉ là phương tiện biểu đạt nội dung tác phẩm mà còn là “điểm nhấn” để người đọc khám phá ra chiều sâu giá trị văn bản văn học.

2.1. Khái quát biện pháp tu từ trong nguyên tác “The Thorn Birds” của Colleen McCullough

Khi đọc nguyên tác “The Thorn Birds” của Colleen McCullough, chúng tôi nhận thấy có ba nhóm biện pháp tu từ nổi bật biểu đạt chiều sâu các tầng lớp ý nghĩa nội dung cho tác phẩm, đồng thời, đây cũng chính là sáng tạo nghệ thuật của tác giả, đó là nhóm ẩn dụ, nhóm so sánh, nhóm hoán dụ. Nhóm ẩn dụ (metaphor) được tìm thấy 393 trường hợp xuất hiện trong văn bản với các hình thức cú pháp đa dạng trong những cụm danh từ (*noun phrase*), cụm động từ (*verb phrase*) và cụm tính từ (*adjective phrase*). Nhóm so sánh (simile), có 165 trường hợp với các hình thức so sánh khác nhau, các từ so sánh khác nhau. Nhóm hoán dụ (metonymy) có 140 trường hợp xuất hiện ở các hình thức cú pháp tương đối đơn giản. Trong bảng thống kê dưới đây, chúng tôi đã tiến hành làm rõ ba nhóm biện pháp tu từ nói trên xuất hiện trong tác phẩm.

^(*) Trường Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh, Pleiku.

Bảng 1. Sự xuất hiện các biện pháp tu từ từ vựng trong nguyên tác

Lexical Stylistic Devices (Biện pháp tu từ từ vựng)	Raw number (Số lượng)	Total sentences (Tổng số câu văn)	Percentage (%)
Metaphor (ẩn dụ)	393	12,672	3.1
Simile (so sánh)	165	12,672	1.3
Metonymy (hoán dụ)	140	12,672	1.1

Bảng 2. Các hình thức xuất hiện của biện pháp tu từ ẩn dụ trong nguyên tác

Metaphor (ẩn dụ)	Các hình thức xuất hiện	<p>Cụm danh từ: 274 lần, ví dụ:</p> <p>1. And again she found herself yearning for the day when Meggie became old enough to take the burden of it from Frank’s shoulders [1, tr. 21]</p> <p>2. From waking to sleeping she lived in the kitchen and back garden, her stout black boots beating a circular path from stove to laundry to vegetable patch to clothesline and thence to stove again [1, tr. 11]</p>
		<p>Cụm động từ: 108 lần, ví dụ:</p> <p>1. Not Mary Carson’s idea of living, to play second fiddle [1, tr. 77]</p> <p>2. She was beautiful, and he enjoyed beauty; and, least acknowledged of all, she filled an empty space in his life which his God could not, for she had warmth and a human solidity [1, tr. 119]</p>
		<p>Cụm tính từ: 11 lần, ví dụ:</p> <p>1. For to fight was the only way he knew of ridding himself of anger and pain, and as he landed the felling punch he thought the great dull voice in his ear changed its song, to Kill! Kill! Kill! [1, tr. 132]</p> <p>2. She became mentally deaf, dumb and blind [1, tr. 45]</p>

Bảng 3. Các hình thức biểu hiện của biện pháp tu từ so sánh trong nguyên tác

Marker (từ chỉ so sánh)	Number (Số lượng)	Percentage (%)
Like	96	58.2
As if	33	20
Seem	10	6.06
As / as ... as	25	15.2
No marker of simile	1	0.54
Total	165	100

Bảng 4. Các hình thức biểu hiện của biện pháp tu từ hoán dụ trong nguyên tác

Stylistic devices	Total	Noun phrase	%	Adjective phrase	%	Verb phrase	%
Metonymy (hoán dụ)	140	140	100	0	0	0	0

2.2. Những sáng tạo dịch thuật biện pháp tu từ từ vựng trong bản dịch “Tiếng chim hót trong bụi mận gai” của Phạm Mạnh Hùng

Trên cơ sở đọc đối chiếu với nguyên tác “The Thorn Birds” của Colleen McCullough, trong bản dịch “*Tiếng chim hót trong bụi mận gai*” của Phạm Mạnh Hùng, chúng tôi nhận thấy những điểm độc đáo sau về biện pháp tu từ từ vựng:

Đối với biện pháp tu từ ẩn dụ (metaphor): dịch giả Phạm Mạnh Hùng đã chuyển nghĩa tiếng Việt qua các cách dịch: dịch giống như so sánh, dịch giữ nguyên hoặc mất hình ảnh ẩn dụ, sử dụng ẩn dụ tương đương với ngôn ngữ đích và dịch giải thích diễn giải.

Biện pháp so sánh (simile): đã được dịch giả dịch như ẩn dụ, dịch không dùng từ so sánh, dịch giữ lại hoặc mất hình ảnh so sánh tuy có dùng từ so sánh.

Biện pháp tu từ hoán dụ (metonymy): đã được Phạm Mạnh Hùng dịch bằng những thủ thuật đơn giản hơn hai biện pháp tu từ trên thông qua việc dịch với hình ảnh hoán dụ hoặc dịch cụ thể con người, sự vật mà hoán dụ đề cập tới.

Người dịch vẫn giữ lại nét nghĩa ẩn dụ (metaphor), hoán dụ (metonymy) và so sánh (simile) giống với nét nghĩa của bản gốc kể cả mối tương quan về mặt cú pháp và từ vựng.

Bên cạnh những điểm giống nhau được nêu ở trên, nét nghĩa của các biện pháp tu từ này cũng có những điểm khác giữa bản nguyên tác và bản dịch của Phạm Mạnh Hùng ở hai điểm sau:

Thứ nhất, nét nghĩa của các biện pháp tu từ trong bản tiếng Việt đã chuyển nghĩa khác hẳn so với bản gốc, nghĩa là các biện pháp tu từ này không còn chứa *metaphor*, *simile* hay

metonymy nữa, chúng có thể là những sự giải thích hoặc được dịch với lối dịch thông thường để làm rõ nghĩa giúp người đọc dễ dàng hiểu “ý định” của tác giả hơn.

Thứ hai, các biện pháp tu từ được dịch theo cú pháp khác hẳn với ngôn ngữ gốc, chúng có thể được rút ngắn hơn hay được miêu tả tỉ mỉ hơn để phù hợp với văn phong tiếng Việt nhằm giúp người đọc cảm nhận được tình huống, hoàn cảnh một cách dễ hiểu hơn.

Để làm rõ điều này, chúng tôi đã tiến hành đối chiếu biện pháp tu từ ở văn bản gốc và văn bản dịch tiếng Việt của Phạm Mạnh Hùng:

Bảng 5. Những điểm mắt và còn đối với biện pháp tu từ ẩn dụ (metaphor) trong bản dịch tiếng Việt so với nguyên tác

Metaphor (ẩn dụ)	Times (số lần xuất hiện)	Percentage (%)
Reserving (còn)	325	82.6
Removing (mất)	68	17.4
Trong nguyên tác	393	100

Bảng 6. Những điểm mắt và còn đối với biện pháp tu từ hoán dụ (metonymy) trong bản dịch tiếng Việt so với nguyên tác

Metonymy (hoán dụ)	Times (số lần xuất hiện)	Percentage (%)
Reserving (còn)	104	74.3
Removing (mất)	36	25.7
Trong nguyên tác	140	100

Bảng 7. Những điểm mắt và còn đối với biện pháp tu từ so sánh (simile) trong bản dịch tiếng Việt so với nguyên tác

SIMILE	Times (số lần xuất hiện)	Percentage (%)
Reserving (còn)	127	76.9
Removing (mất)	38	23.1
Trong nguyên tác	165	100

Bảng 8. Ví dụ cách dịch giữ lại hình ảnh ẩn dụ

STT	English	Vietnamese
1	No man in his middle thirties, even Ralph de Bricassart, could fail to see the unfolding rose [1, tr. 185]	Không một người đàn ông nào ngoài ba mươi, ngay cả Ralph đỡ Brikaxxa mù quáng đến mức không nhận ra bông hồng đang mở cánh [2, tr. 162]

2	He smiled. “I’ve sold you, my Meggie, sold you for thirteen million pieces of silve.” [1, tr. 220]	Cha mỉm cười. - Ta đã bán con , Meggie ạ, ta đã bán con lấy mười ba triệu bạc trắng [2, tr. 192]
3	She plodded in her self-perpetuating circle of stove , workable and sink as if nothing else existed. So Meggie had no choice; she simply filled the vacuum in the child’s life and became his mother [1, tr. 147]	Bà lần quần vẫn trong cái vòng tròn muôn thuở ấy : từ bếp lò tới bàn nhà bếp, từ bàn tới bồn rửa và không còn nhận thấy gì xung quanh nữa. Và Meggie không còn cách lựa chọn nào khác, nó lấp đầy chỗ trống trong đời em và trở thành mẹ của thằng bé [2, tr. 130]

Ví dụ (1): Tác giả và dịch giả đều dùng hình ảnh bông hồng đang nở để chỉ Meggie, một thiếu nữ đang bước vào tuổi thanh xuân, tuổi đẹp nhất của cuộc đời người. Người dịch không những giữ nguyên hình ảnh ẩn dụ về mặt từ vựng mà còn giữ lại cả nét nghĩa ẩn dụ “bông hồng đang mở cánh” cho “the unfolding rose” khiến cho người đọc liên tưởng đến một thiếu nữ ngây thơ, trong trắng và tràn đầy sức sống.

Ví dụ (2): “I’ve sold you” - đây là lời nói của cha Ralph được dịch giả chuyển nguyên văn sang tiếng Việt. Động từ “sold” vẫn còn mang nét nghĩa ẩn dụ nghe thật đau xót. Từ “sold” có nghĩa là bán cái gì đó, vật gì đó, nhưng “bán” trong hoàn cảnh này là một sự quyết ra đi, quyết phụ bạc người thương yêu nhất của Cha để có địa vị mới trong giáo hội với một số tiền khổng lồ được thừa kế từ bà Mary Carson.

Ví dụ (3): Với phương pháp dịch từ sang từ (word for word), các từ chỉ ẩn dụ trong hai phiên bản của tiểu thuyết vẫn còn nguyên nét nghĩa độc đáo của nó. Người dịch đã cho độc giả thấy một Fiona vô cùng bận rộn với công việc nhà đến nỗi bà ta không có thời gian để chăm sóc đứa con nhỏ của bà. Vì thế mà Meggie phải chịu trách nhiệm chăm sóc đứa em. Cụm động từ mang ý nghĩa ẩn dụ “filled the vacuum in the child’s life” có nghĩa là Meggie luôn gần gũi, gần bó và đem lại niềm vui, hạnh phúc cho em của nó trong tình thương yêu của một người mẹ. Để rồi rốt cuộc nó trở thành mẹ của thằng bé.

Bảng 9. Ví dụ cách dịch mắt hình ảnh ẩn dụ

STT	English	Vietnamese
1	Down her back cascaded a mane of carefully curled hair, sparkling in the sun; not red not gold, but somewhere in between [1, tr. 7]	Những búp tóc uốn cần thận xõa xuống lưng lấp lánh dưới ánh mặt trời - không phải màu đỏ đồng, cũng không phải màu vàng óng, mà là một màu gì đặc biệt giữa hai màu đó [2, tr. 14]
2	Ever since the day Agnes had lost her hair there had been Frank, and in spite of her sore troubles nothing since had speared her quite to the core [1, tr. 65]	Chính từ ngày Agonex bị mất tóc, Frank luôn luôn ở cạnh nó, và từ đó những đau buồn cay đắng nhất không đến nỗi làm tan lòng nát ruột [2, tr. 59]
3	Beef was a forgotten memory , only a sheep small enough to last without taining until it was all eaten [1, tr. 117]	Thịt bò thì họ không còn nghĩ gì đến nữa , chỉ có loại cừ non nhỏ thích hợp để làm thực phẩm - có thể ăn hết được khi thịt chưa kịp hỏng [2, tr. 104]

Ví dụ (1): Tác giả dùng động từ “cascaded” có nghĩa đen là chảy như dòng thác để miêu tả mái tóc của Fia, gợi lên hình ảnh một mái tóc dày, màu vàng óng mượt rất đẹp. Tuy nhiên, dịch giả đã chuyển nghĩa của động từ này sang tiếng Việt bằng phương pháp phỏng dịch, không dùng từ ẩn dụ khiến cho độc giả cảm nhận ngay được một mái tóc đẹp đang lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Ví dụ (2): Động từ trong văn bản gốc là “speared” có nghĩa đen là đâm ai hay đâm cái gì bằng giáo, mác. Nhưng tác giả thật tài tình dùng từ này để đâm xuyên vào tâm hồn. Đây là hình ảnh ẩn dụ diễn tả sự đau đớn đến tột cùng. Ý nghĩa càng dễ hiểu hơn khi nó được dịch sang tiếng Việt bằng phương pháp dịch thành ngữ “làm tan lòng, nát ruột”. Cụm từ ẩn dụ này rất gần gũi với độc giả Việt Nam diễn tả nỗi đau buồn của Meggie không thể nào kể xiết.

Ví dụ (3): Trong thời tiết nóng nực ở Silinh, người dân ở đây vẫn chỉ ăn món thịt cừ phổ biến tạo nên sự chán ngấy cho họ. Còn món thịt bò dường như là một xa xỉ mà lâu rồi họ không ăn. Cụm danh từ mang ý nghĩa ẩn dụ “**a forgotten memory**” được dịch giả diễn giải thành “**Thịt bò thì họ không còn nghĩ gì đến nữa**”. Rõ ràng cụm

từ này không mang ý nghĩa ẩn dụ, qua phương pháp phỏng dịch nó giúp cho người đọc dễ hiểu hơn.

Qua bảng thống kê, chúng tôi nhận thấy, hầu hết metaphor được dịch với nét nghĩa ẩn dụ còn giữ lại biện pháp tu từ so với bản gốc (310 trường hợp). Ngược lại, với nét nghĩa ẩn dụ không còn biện pháp tu từ như trong văn bản gốc chiếm một lượng ít hơn trong tổng số với 70 trường hợp.

Bảng 10. Ví dụ cách dịch còn giữ lại hoán dụ

STT	English	Vietnamese
1	There was so much to be done, hardly any money to do with it, not enough time, and only one pair of hands [1, tr. 12]	Có bao nhiêu việc cần làm, luôn luôn thiếu tiền, luôn luôn thiếu thời gian, và bất cứ việc gì cũng vẫn chỉ có một đôi tay [2, tr. 18]
2	She tried vainly to separate them and restore some sort of order to their bedclothes, but the two curly red heads refused to be parted [1, tr. 22]	Chị hoài công thử tách chúng ra để làm cách nào sửa lại chăn và khăn trải giường - Hai mái đầu tóc xoắn màu hung cứ áp vào nhau một cách bướng bỉnh [2, tr. 26]
3	Eyes half shut against the glare as his new Daimler bounced along in the rutted wheel tracks that marched through the long silver grass [1, tr. 69]	Nheo mắt để khỏi quá chói vì cái mũi của chiếc “Daimler” khá mới , cha lái xe theo những vệt bánh xe gập ghềnh của con đường ngập trong cỏ cao ánh bạc [2, tr. 63]

Ví dụ (1): Hình ảnh “đôi tay” ngầm ám chỉ đến Fia, người đảm nhận tất cả công việc nhà, hay làm lụng vất vả. Bằng phương pháp dịch ngữ nghĩa (semantic method), dịch giả vẫn giữ lại nét nghĩa hoán dụ như trong bản gốc. Cụm từ mang ý nghĩa hoán dụ này diễn tả sức làm việc quá nhiều của Fia và khát vọng có thêm “tay” để giúp làm hết cả núi công việc nhà đang chờ chị.

Ví dụ (2): “The two curly red heads” là một cụm từ hoán dụ dùng bộ phận để chỉ người, đó chính là Huyghi và Jec. Ta có thể thấy rõ hình ảnh hai đứa trẻ có mái đầu tóc xoắn và màu đỏ. Màu tóc này là đặc điểm nổi bật của dòng họ nhà Krili. Cụm từ hoán dụ được dịch nghĩa sang tiếng Việt bằng phương pháp “word to word” và còn giữ ngữ nghĩa chính làm cho lời văn thêm sinh động.

Ví dụ (3): Cụm từ “his new Daimler” chỉ chiếc xe hơi đời mới hiệu Dailer của cha Ralph. Loại hoán dụ này lấy tên riêng hoặc danh hiệu để

chỉ vật. Người dịch chuyển cụm từ này sang tiếng Việt bằng cách dịch từ qua từ, nét nghĩa hoán dụ không đổi.

Bảng 11. Ví dụ cách dịch mất hình ảnh hoán dụ

STT	English	Vietnamese
1	<p>“Spiteful little cats!” I wish I’d thought to catch some those things out of your head; I’m sure they’d keep. The minute everyone forgot, I’d sprinkle a few heads with a new lot.” [1, tr. 55]</p>	<p>Chúng là đồ phù thủy. Tiếc rằng anh không sớm nghĩ ra mà cất sẵn đi mấy con chấy ở đầu em. Không thì hể mấy con bé độc ác ấy sợ ý là anh bỏ luôn vào tóc chúng [2, tr. 51]</p>
2	<p>“We are going to Australia!” he yelled, waving the expensive vellum pages under his family’s stunned noses [1, tr. 85]</p>	<p>- Chúng ta sẽ đi Úc! - Anh gào lên và vung vẩy tờ giấy vêlanh quý giá trước cả gia đình đang sững sờ [2, tr. 77]</p>
3	<p>It meant a grueling amount of work for every soul on the place, male and female. Communal shearing was the custom and the stations sharing Drogheda’s shearing facilities would naturally pitch in to help, but the brunt of the incidental work inevitably fell on the shoulders of those on Drogheda [1, tr. 120]</p>	<p>Như vậy là mọi người trong điền trang, không trừ một ai, cả đàn ông và đàn bà, đều phải làm việc không ngơi tay, và người các trại xung quanh cùng sử dụng Đrôghêđa vốn được trang bị tuyệt vời cho việc này, họ cũng ra sức giúp đỡ nó bằng mọi cách, nhưng vất vả nhất là người ở đây [2, tr. 107]</p>

Ví dụ (1): Khi gia đình Krili phát hiện Meggie có chấy trên đầu, họ đổ lỗi cho cô bé Teresa, bạn của Meggie. Cô bé là con của một gia đình người Ý, chủ tiệm café ở Ucraina. Vốn dĩ dòng họ Ý ở vùng này luôn bị kỳ thị. Vì thế “Spiteful little cats” là cụm từ mà Frank, anh của Meggie đã nói trong cơn bực tức để ám chỉ gia đình người Ý ấy. Nghĩa từ vựng của những từ này chỉ con vật, mèo còn ý nghĩa được dịch sang tiếng Việt là “đồ phù thủy”. Phần dịch này liên quan đến văn hóa. Vì trước kia mèo thỉnh thoảng bị coi là ma quỷ, ví dụ như nó không mang lại may mắn thậm chí là điềm xui xẻo hay thường đi liền với những mụ phù thủy trong nhiều nền văn hoá Trung Cổ, đặc biệt là những con mèo đen. Người dịch cố gắng đem đến cho người đọc hình ảnh hoán dụ khác quen thuộc của người

Việt Nam hơn, “phù thủy” để ám chỉ người độc ác, nam hiểm.

Ví dụ (2): Hình ảnh “stunned noses” ngầm chỉ sự sững sốt, ngạc nhiên của những người trong gia đình Krili khi nghe tin họ sẽ đi Úc sống. Tác giả dùng cụm danh từ hoán dụ còn dịch giả chuyển nghĩa tiếng Việt dùng tính từ “sững sờ” không có ý hoán dụ. Phạm Mạnh Hùng đã dịch cụm từ này với phương pháp “semantic method” đem đến cho người đọc một ý nghĩa rõ ràng rằng cả gia đình Krili rất đổi ngạc nhiên đến không ngờ rằng họ sẽ đến một nơi họ chưa từng mơ đến.

Ví dụ (3): “Every soul on the place” chỉ những con người sống ở điền trang Drogheda. Từ “soul” có nghĩa là linh hồn được thay cho người vì con người là sinh vật có tâm hồn, tâm trí biết suy nghĩ. Ở đây hoán dụ là mối quan hệ tính chất chỉ chung cho một loài. Và cụm từ hoán dụ khác “the shoulders” cũng chỉ những con người ở Drogheda nhưng ngầm ý những người gánh vác công việc, vất vả. Cách hoán dụ này dùng bộ phận để chỉ người. Người dịch phải thấu hiểu rõ hoàn cảnh, ý nghĩa mới có thể chuyển nghĩa Việt một cách dễ hiểu. Ông dùng phương pháp phỏng dịch và diễn giải mất ý nghĩa hoán dụ trong biện pháp tu từ này.

Như vậy, nét nghĩa hoán dụ trong bản tiếng Việt đa số vẫn còn được giữ lại như nét nghĩa của bản gốc với số lần 107 trong tổng metonymy, chỉ có 29 lần dịch giả thay đổi nét nghĩa hoán dụ trong bản gốc bằng cách diễn giải hoặc chuyển nghĩa cụ thể sự vật, hiện tượng... theo “chú ý” của tác giả Coleen McCulough.

Bảng 12. Ví dụ cách dịch giữ lại hình ảnh so sánh

STT	English	Vietnamese
1	<p>Behind them, all by herself, Meggie stood gaping up at him with her mouth open, as if she were looking at God [1, tr. 95]</p>	<p>Phía sau chúng, Meggie đứng riêng ra, miệng hé mở nhìn ông như nhìn chính Chúa Trời [2, tr. 86]</p>
2	<p>The will to survive is very strong in some, not so strong in others. In Meggie it was as refined and tensile as a steel hawser [1, tr.160]</p>	<p>Ở một số người, lòng ham sống rất mạnh, ở một số khác thì yếu hơn. Ở Meggie cái đó mạnh mai và chắc như sợi dây cáp bằng thép [2, tr. 141]</p>

3	Luke? Was this Luke? He seemed made of rock, inhuman. But the effigy crossed the kitchen, gave her a smacking kiss and sat down at the table [1, tr. 404]	Liuc ư? Anh nom không giống người, như đẽo bằng đá. Nhưng bức tượng đá đi trong phòng, hôn Meggie một cái khoái trá và đến ngồi vào bàn [2, tr. 321]
---	--	---

Ví dụ (1): Tác giả so sánh cha Ralph và Chúa Trôi qua cái nhìn của Meggie. Điều này diễn tả lòng tôn kính, ngưỡng mộ của Meggie đối với cha Ralph. Với lối dịch ngữ nghĩa cũng như giữ được nét nghĩa so sánh dịch giả đã truyền tải ý nghĩa được ẩn giấu trong so sánh này là một nỗi lòng đầy khát khao được chiêm ngưỡng vị linh mục không những có thân hình cân đối, đẹp trai mà còn có cả một tâm hồn đẹp trong mắt Meggie.

Ví dụ (2): Với lối so sánh bằng, tác giả đã dùng hình ảnh dây cáp để so sánh với ý chí sống còn của Meggie. Một hình ảnh so sánh vật hóa rất thú vị được dịch bằng phương pháp dịch ngữ nghĩa, vẫn giữ nguyên so sánh ẩn dụ như trong bản gốc khiến cho người đọc liên tưởng đến sức chịu đựng nỗi đau. Meggie có thể mảnh mai, yếu đuối nhưng cô không bao giờ chịu khuất phục, bị gục ngã trước những nỗi đau khắc nghiệt trong cuộc đời.

Ví dụ (3): Với từ so sánh (comparison marker) “seem” nhà văn đem đến người đọc một hình ảnh so sánh ẩn dụ hết sức ấn tượng đó là chồng Meggie, Liuc là một con người thực nhưng anh ấy được xem như “được đẽo bằng đá” qua lối dịch ngữ nghĩa (semantic method) mang tính chất ẩn ý cho thấy rằng anh chàng Liuc này có một tâm hồn vô cảm với vợ mình.

Bảng 13. Ví dụ cách dịch làm mất hình ảnh so sánh

STT	English	Vietnamese
1	His shirt lay on the heap of straw in the corner; he plodded across to it and stood for a moment staring at the splintering barn wall as if it did not exist , his black eyes wide and fixed [1, tr. 5]	Áo sơ mi nằm trong đống rơm trong góc xường; cậu chậm rãi đi đến đấy và đứng một hai phút mở to đôi mắt màu đen, nhìn bức tường, nhìn những tấm ván không bào bằng ánh mắt thù ghét [2, tr. 12]

2	Why should the Huns and Turks slaughter our men like pigs while I'm sitting here safe and sound? [1, tr. 57]	Sao lại có thể để cho bọn Đức và bọn Thổ Nhĩ Kỳ mặc sức cắt cổ người của ta , còn con thì khoanh tay ngồi đây cho đành? [2, tr. 53]
3	Their mother's blossoming happiness had affected them deeply; it was like seeing the start of a good drenching rain [1, tr. 238]	Cả nhà hạnh phúc vô hạn thấy mẹ hạnh phúc như thế, chẳng khác gì sau kì hạn hán, trước mắt mọi người bắt đầu đổ xuống trận mưa dòi dào khiến vạn vật tươi tỉnh lại [2, tr. 208]

Ví dụ (1): Với lối dịch “communicative method”, tác giả đã so sánh cái nhìn của Frank như không nhìn, đó chính là sự bức tức của cậu khi đến xưởng rèn, trong ánh mắt nhìn bức tường của cậu ẩn chứa thái độ chán chường, căm ghét khi hàng ngày phải tiếp xúc với thứ công việc nặng nhọc, nhàm chán mà cậu không hề muốn. Người dịch không dùng lối so sánh như trong bản gốc nhưng cũng đem đến cho người đọc một hình ảnh rất giận dữ của Frank.

Ví dụ (2): Trong bản dịch, “cắt cổ người ta” là một hình ảnh thực được dịch từ so sánh có tính chất ẩn dụ trong văn bản gốc “slaughter our men like pigs” với hàm ý sự tàn sát vô cùng tàn bạo của quân Đức và quân Thổ Nhĩ Kỳ. Trong khi tác giả Colleen dùng hình ảnh so sánh vật hóa “giết” với “lợn” ẩn dụ này làm cho người đọc liên tưởng đến sự chết chóc hàng loạt và sự vô cảm của quân thù, còn dịch giả Phạm Mạnh Hùng đã diễn giải so sánh cho ta thấy rõ sự dã man của quân thù.

Ví dụ (3): Trong tiểu thuyết gốc, tác giả đã so sánh niềm hạnh phúc của người mẹ với cơn mưa rào được dịch giả chuyển nghĩa sang tiếng Việt “bắt đầu đổ xuống trận mưa dòi dào khiến vạn vật tươi tỉnh lại”. Mặc dù cụm từ này vẫn còn từ so sánh nhưng không còn chứa ý nghĩa ẩn dụ nữa. Với lối dịch “communicative method”, ta có thể cảm nhận được một hình ảnh hết sức đời thường trong cuộc sống sau cơn mưa. Đó chính là sự rạng rỡ trên gương mặt người mẹ lúc nào cũng nghiêm nghị, lúc nào cũng bận rộn với công việc bếp núc nay đã cởi mở.

Có thể thấy, trong quá trình chuyển dịch sang tiếng Việt, dịch giả đã chuyển nghĩa so sánh của

các câu có chứa “simile” như nguyên tác và có sử dụng từ chỉ dấu hiệu so sánh như: tuồng như, như là, như, dường như... Một số “simile” được chuyển sang ngôn ngữ dịch mất hẳn ý so sánh, có lúc người dịch dùng lối ẩn dụ và dịch thoát ý để lời văn gần gũi với ngôn ngữ của người đọc. Đôi khi những từ chỉ so sánh vẫn được sử dụng ở ngôn ngữ dịch, nhưng phân so sánh không còn giữ nguyên nghĩa từ vựng như trong bản gốc.

3. Kết luận

Từ quá trình khai thác bản dịch “Tiếng chim hót trong bụi mận gai” của Phạm Mạnh Hùng, chúng tôi nhận thấy, dịch giả không chỉ chuyển dịch gần như nguyên vẹn các nhóm biện pháp

tu từ từ vựng trong nguyên tác mà còn sáng tạo trong cách dịch chuyển đổi nghĩa, chuyển đổi chiều sâu biểu đạt, hàm ẩn nghĩa... các biện pháp tu từ nói trên. Điều này, không chỉ giúp bản dịch sát với nguyên tác về nội dung mà còn giúp người đọc dễ dàng nắm bắt chiều sâu các tầng mạch ý nghĩa, giá trị của tác phẩm “The Thorn Birds”.

Điều đem lại thành công cho bản dịch tiếng Việt là sự am tường và tình yêu tha thiết của Phạm Mạnh Hùng đối với nền văn hóa xứ sở Úc, chính chiều sâu hiểu biết văn hóa là yếu tố tạo ra sức hút, sức ám ảnh khó cưỡng cho bản dịch “Tiếng chim hót trong bụi mận gai”./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Colleen Mccullough (1977), *The Thorn Birds*, Harper and Row, Publishers.
 [2]. Colleen Mccullough (Phạm Mạnh Hùng dịch) (2012), *Tiếng chim hót trong bụi mận gai*, NXB Văn học, Hà Nội.
 [3]. Newmark, P. (1981), *Approaches of Translation*, Oxford: Pergamon Press.
 [4]. Nguyễn Thành Yên (2001), *Smiles and Metaphor*, Hồ Chí Minh City.
 [5]. Wechsler, R. (1998), *The Art of Literary Translation*, Cambridge University Press.

ORIGINALITY IN THE VIETNAMESE TRANSLATION OF “THE THORN BIRDS” IN TERMS OF RHETORICAL DEVICES

Summary

Readers can approach a foreign literary work through its original or translation version. The translation is not only the key opening the door for readers to approach the work, but also the reconstruction of the original by the translator in principle: maximally preserving the spirit and value of the work as well as translating it creatively in a reading-specific way. In this article, we try to bring out originalities in the Vietnamese translation version of the novel “The Thorn Birds” translated by Pham Manh Hung in terms of rhetorical devices.

Keywords: Rhetorical devices, originality, The Thorn Birds.

Ngày nhận bài: 9/9/2015; Ngày nhận lại: 4/5/2016; Ngày duyệt đăng: 27/6/2016.